

Bình Định, ngày 14 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v chào giá gói thầu: Mua sắm trang phục y tế viên chức, người lao động Trung Tâm Y Tế Tuy Phước năm 2025

Kính gửi: Các Công ty/Đơn vị cung cấp

Trung Tâm Y Tế Tuy Phước có nhu cầu tiếp nhận báo giá và vải mẫu để tham khảo làm cơ sở tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp, gói thầu: Mua sắm trang phục y tế cho viên chức, người lao động Trung Tâm Y Tế Tuy Phước năm 2025 cho Trung Tâm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của các đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung Tâm Y Tế Tuy Phước, địa chỉ: 66 Đào Tấn, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.

2. Cách thức nhận báo giá và vải mẫu:

* Báo giá và vải mẫu gửi về:

- Nhận trực tiếp hoặc gửi đường Bưu điện về: Phòng Tổ chức Hành chính - Trung Tâm Y Tế Tuy Phước, tại địa chỉ: 66 Đào Tấn, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0256.3734294

3. Thời gian tiếp nhận báo giá và vải mẫu: 05 ngày từ ngày đăng thông báo (từ ngày 14/5/2025 đến ngày 18/5/2025).

4. Thời hạn báo giá có hiệu lực của báo giá: 90 ngày từ ngày kết thúc thông báo chào giá (từ ngày 19/5/2025 đến ngày 16/8/2025)

II. Nội dung yêu cầu cung cấp vải mẫu.

1. Danh mục: (Theo các danh mục đính kèm).

2. Yêu cầu đối với báo giá và vải mẫu.

- Bảng chào giá phải được bọc vào phong bì niêm phong để bảo mật, tạo tính khách quan, minh bạch trong việc báo giá.

- Các mẫu vải phải được đề tên, chất liệu và màu sắc rõ ràng, thể hiện rõ hàng sản xuất vải.

- Mỗi mẫu vải quý Công ty đưa ra thông số kỹ thuật tương ứng từng loại vải, có kèm kết quả kiểm nghiệm trên từng loại vải cung cấp (nếu có)

- Kích thước vải mẫu: Kích thước tối thiểu khổ 50cm x 50cm.



- Đối với những mẫu vải này, Trung Tâm Y Tế Tuy Phước sẽ lưu trữ và không hoàn trả để làm cơ sở đánh giá chất liệu vải trong báo giá sau này.

Thông báo này được đăng tải trên Website chính thức của Trung Tâm Y Tế Tuy Phước, Website: tyyttuyphuoc.com.vn.

Trung Tâm rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tỏ CNTT (hỗ trợ đăng tải);
- Đăng tải trên trang Web TT;
- Lưu: VT, P.TCHC./.



GIÁM ĐỐC

BS. Dương Ngọc Hùng





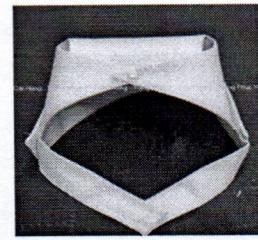
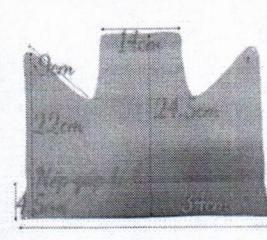
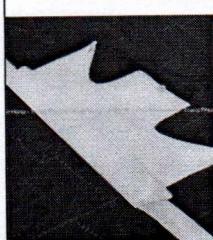
DANH MỤC ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ

(Đính kèm thông báo số 41 ngày 14 tháng 5 năm 2025)

ST T	TÊN SẢN PHẨM	QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG
I HỆ BỆNH VIỆN				
1	Trang phục Bác sĩ (nam và nữ)	<ul style="list-style-type: none">- Áo:<ul style="list-style-type: none">+ Màu sắc: Màu trắng.+ Chất liệu: Kate Ford.+ Kiểu dáng: Áo blouse, cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi hình chữ nhật, có khuy cài biến tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông.+ Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 584(± 1) x 368(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,7($\pm 0,1$); Ngang -0,8($\pm 0,1$).- Quần:<ul style="list-style-type: none">+ Màu sắc: Màu trắng.+ Chất liệu quần nam: Kaki.+ Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3 (± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 448 (± 1) x 286 (± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,5 ($\pm 0,1$), ngang +0,4 ($\pm 0,1$).+ Chất liệu quần nữ: Kaki thun.+ Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm) : 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$).+ Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.+ Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.- May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía trên ngực trái, đường kính logo 6,5 cm và không bị che khuất bởi cổ áo.	Bộ	68

2	<p>Trang phục Dược sĩ (nam và nữ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 584(± 1) x 368(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,7($\pm 0,1$); Ngang -0,8($\pm 0,1$). - Quần: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu quần nam: Kaki + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3 (± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 448 (± 1) x 286 (± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,5 ($\pm 0,1$), ngang +0,4 ($\pm 0,1$). + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. - May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía trên ngực trái, đường kính logo 6,5 cm và không bị che khuất bởi cổ áo. 	Bộ	24
3	<p>Trang phục điều dưỡng, y sĩ, kỹ thuật viên,... nam, nữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 584(± 1) x 368(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,7($\pm 0,1$); Ngang -0,8($\pm 0,1$). - Quần: 	Bộ	148

- + Màu sắc: Màu trắng.
- + Chất liệu quần nam: Kaki.
- + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3 (± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 448 (± 1) x 286 (± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C : (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,5 ($\pm 0,1$), ngang +0,4 ($\pm 0,1$).
- + Chất liệu quần nữ: Kaki thun.
- + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C : (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$).
- + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.
- + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.
- Áo liền váy (nữ): Ngoài trang phục áo, quần quy định điều dưỡng viên, hộ sinh viên nữ còn có thể được trang bị áo liền váy.
- + Màu sắc: Màu trắng.
- + Chất liệu: Kaki Thun
- + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C : (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$).
- Kiểu dáng: Áo liền váy cổ 2 ve, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài váy quá gói 5 cm đến 10cm, phía trước có 2 túi phía dưới, có khuy cài biển tên trên ngực trái.
- Túi áo liền váy, tay áo liền váy và cổ áo liền váy có viền xanh dương, kích thước viền rộng 0,5 cm.
- Nón: Nón của nữ kiểu 3 lá (*mẫu đính kèm*). Yêu cầu kỹ thuật nón (mũ) ba lá của Điều dưỡng:
- Chất liệu: Vải theo màu áo, ép côn, có quai dán 2 bên kích thước dài 16cm x rộng 2cm. Có miếng dán dài 7cm.
- Kích thước và mẫu mũ như sau:

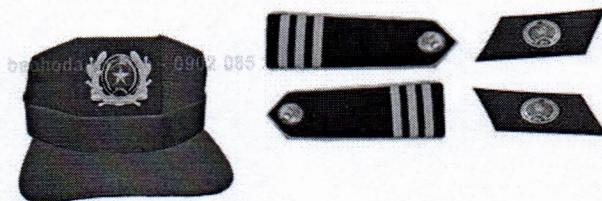


May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía trên ngực trái, đường kính logo 6,5 cm và không bị che khuất bởi cổ áo.

4	Trang phục hành chính nam, nữ	<p>- Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Bambo xanh dương hoặc màu trắng + Chất liệu: Kate. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $126,7(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $376(\pm 1) \times 316(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $0,0(\pm 0,1)$; Ngang $-0,6(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đúc, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, tà lật. <p>- Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Selen. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $289,4(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $728(\pm 1) \times 348(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $-0,4(\pm 0,1)$; Ngang $-1,2(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. <p>May đo theo size (thực tế).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Selen. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $289,4(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $728(\pm 1) \times 348(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $-0,4(\pm 0,1)$; Ngang $-1,2(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. <p>May đo theo size (thực tế).</p> <p>- Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Bambo xanh dương hoặc màu trắng. + Chất liệu: Kate. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $126,7(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $376(\pm 1) \times 316(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $0,0(\pm 0,1)$; Ngang $-0,6(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đúc, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. <p>- Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu Xanh đen. + Chất liệu: Tuyết mưa. 	Bộ	56

	<ul style="list-style-type: none"> + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $260,2(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $716(\pm 1) \times 312(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $-1,2(\pm 0,1)$; Ngang $-1,2(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo. - Chân váy nữ: + Màu sắc: Màu Xanh đen. + Chất liệu: Thun tuyết. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $255,4(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $460(\pm 1) \times 332(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $0,0 (\pm 0,1)$; Ngang $-2,0 (\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Váy chữ A, chiều dài qua gối, xẻ giữa phía sau từ 10 cm đến 12 cm, 2 túi chéo phía trước. May đo theo size (thực tế). 		
5	<p>Trang phục hộ lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo: + Màu sắc: Màu xanh hòa bình. + Chất liệu: Vải kate. + Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo qua mông; phía trước 2 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $123,0(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm) : $456(\pm 1) \times 372(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $-0,3(\pm 0,1)$; ngang $0,0(\pm 0,1)$. - Quần + Màu sắc: Màu xanh hòa bình. + Chất liệu: Vải kate. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $123,0(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm) : $456(\pm 1) \times 372(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $-0,3(\pm 0,1)$; ngang $0,0(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Quần lưng thun. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. - May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía trên ngực trái, đường kính logo 6,5 cm và không bị che khuất bởi cổ áo. 	Bộ	20

6	Trang phục bảo vệ	<p>- Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu xanh hòa bình. + Chất liệu: Vải Kate. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $123,0(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $456(\pm 1) \times 372(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $-0,3(\pm 0,1)$; ngang $0,0(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Áo cổ đức, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, ngắn tay hoặc dài tay, tay lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài trên ve cổ áo. + Thêu Họ và tên của nhân viên phía trên ngực trái. + Thêu Logo bệnh viện phía trên tay trái của áo. <p>- Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Vải kaki. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): $313,2(\pm 1)$. Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): $740(\pm 1) \times 356(\pm 1)$. Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc $-0,2(\pm 0,1)$; ngang $-1,0(\pm 0,1)$. + Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Nón bảo vệ: Kiểu kê pi, theo chất liệu kaki màu xanh đậm (<i>mẫu đính kèm</i>). - Kèm 02 ve áo và 02 cầu đai áo (<i>mẫu kèm theo</i>). - May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía trên tay trái của áo. 	Bộ	6
---	-------------------	---	----	---



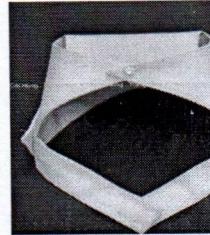
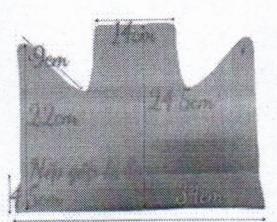
	II PHÒNG DÂN SỐ			
1	Trang phục hành chính nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Bambo xanh dương hoặc màu trắng. + Chất liệu: Kate. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 126,7(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 376(± 1) x 316(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc 0,0($\pm 0,1$); Ngang -0,6($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Quần: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu Xanh đen. + Chất liệu: Tuyết mura. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 260,2(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 716(± 1)x 312(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -1,2($\pm 0,1$); Ngang -1,2($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo. - Chân váy nữ: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu Xanh đen. + Chất liệu: Thun tuyết. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 255,4(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1) x 332(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc 0,0 ($\pm 0,1$); Ngang -2,0 ($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Váy chữ A, chiều dài qua gối, xẻ giữa phía sau từ 10 cm đến 12 cm, 2 túi chéo phía trước. - May đo theo size (thực tế). 	Bộ	10
	III KHOA KSBT, HIV/AIDS,...			
1	Trang phục bác sĩ nam, nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo blouse, cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay hoặc ngắn tay, phía trước có 3 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa túi ngang mông. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 584(± 1) x 368(± 1). Độ bền màu giặt ở 40^0C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,7($\pm 0,1$); Ngang -0,8($\pm 0,1$). - Quần: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng. 	Bộ	4

		<ul style="list-style-type: none"> + Chất liệu quần nam: Kaki. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3 (± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 448 (± 1) x 286 (± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,5 ($\pm 0,1$), ngang +0,4 ($\pm 0,1$). + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm) : 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. <p>* - May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía trên ngực trái, đường kính logo 6,5 cm và không bị che khuất bởi cổ áo.</p>	
2	Trang phục dược sĩ nam, nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 584(± 1) x 368(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,7($\pm 0,1$); Ngang -0,8($\pm 0,1$). - Quần: + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu quần nam: Kaki + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3 (± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 448 (± 1) x 286 (± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,5 ($\pm 0,1$), ngang +0,4 ($\pm 0,1$). + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. <p>* - May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía trên ngực trái, đường kính logo 6,5 cm và không bị che khuất bởi cổ áo.</p>	Bộ 2

3	Trang phục điều dưỡng, y sĩ, kỹ thuật viên,... nam, nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Áo: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kate Ford. + Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi hình chữ nhật, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Điều Dưỡng: Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 584(± 1) x 368(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,7($\pm 0,1$); Ngang -0,8($\pm 0,1$). - Quần: <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu quần nam: Kaki. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 152,3 (± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 448 (± 1) x 286 (± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,5 ($\pm 0,1$), ngang +0,4 ($\pm 0,1$). + Chất liệu quần nữ: Kaki thun. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. - Áo liền váy (nữ): Ngoài trang phục áo, quần quy định điều dưỡng viên, hộ sinh viên nữ còn có thể được trang bị áo liền váy. + Màu sắc: Màu trắng. + Chất liệu: Kaki Thun + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 279(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1)x 284(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5; Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$), ngang -0,4($\pm 0,1$). - Kiểu dáng: Áo liền váy cổ 2 ve, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài váy quá gối 5 cm đến 10cm, phía trước có 2 túi phía dưới, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Túi áo liền váy, tay áo liền váy và cổ áo liền váy có viền xanh dương, kích thước viền rộng 0,5 cm. - Nón: Nón của nữ kiểu 3 lá (<i>mẫu đính kèm</i>). Yêu 	Bộ	48

cầu kỹ thuật nón (mũ) ba lá của Điều dưỡng:
- Chất liệu: Vải theo màu áo, ép côn, có quai dán
2 bên kích thước dài 16cm x rộng 2cm. Có miếng
dán dài 7cm.

- Kích thước và mẫu mũ như sau:



May đo theo size (thực tế), thêu logo bệnh viện phía
trên ngực trái, đường kính logo 6,5 cm và không bị
che khuất bởi cổ áo.

4	<p>Trang phục hành chính nam, nữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo : + Màu sắc: Bambo xanh dương hoặc màu trắng + Chất liệu: Kate. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 126,7(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 376(± 1) x 316(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc 0,0($\pm 0,1$); Ngang -0,6($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, tà lật. - Quần Nam: + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Selen. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 289,4(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 728(± 1) x 348(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$); Ngang -1,2($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. May đo theo size (thực tế). + Màu sắc: Màu xanh đen. + Chất liệu: Selen. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 289,4(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 728(± 1) x 348(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -0,4($\pm 0,1$); Ngang -1,2($\pm 0,1$). + Kiểu dáng Quần nam: Quần âu không ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. May đo theo size (thực tế). - Quần Nữ: + Màu sắc: Màu Xanh đen. + Chất liệu: Tuyết mura. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 260,2(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 716(± 1)x 312(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc -1,2($\pm 0,1$); Ngang -1,2($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Quần âu không ly, 2 túi chéo. - Chân váy nữ: + Màu sắc: Màu Xanh đen. + Chất liệu: Thun tuyết. + Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: Khối lượng vải (G/M^2): 255,4(± 1). Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 460 (± 1) x 332(± 1). Độ bền màu giặt ở 40°C: (phai màu -cấp): 4-5. Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%): Dọc 0,0 ($\pm 0,1$); Ngang -2,0 ($\pm 0,1$). + Kiểu dáng: Váy chữ A, chiều dài qua gối, xẻ giữa phía sau từ 10 cm đến 12 cm, 2 túi chéo phía trước. 	Bộ	10

DANH MỤC ĐỀ GỬI VẢI MẪU

(Đính kèm thông báo số 41 ngày 14 tháng 5 năm 2025)

STT	DANH MỤC	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LUỢNG	KÍCH THƯỚC VẢI MẪU
1	Vải Kate ford, màu trắng	- Áo Bác Sĩ, Dược Sĩ, Điều Dưỡng, Y Sĩ, KTV	1	50cm x 50cm
2	Vải Kaki, màu trắng	- Quần Bác Sĩ, Dược Sĩ, Điều Dưỡng, Y Sĩ, KTV Nam	1	
3	Vải Bambo xanh dương hoặc màu trắng	- Áo Nam Hành Chính	1	50cm x 50cm
		- Áo Nữ Hành Chính	1	
4	Vải Selen	- Quần Nam Hành Chính	1	
5	Vải Kaki, Xanh Đen	- Quần Bảo Vệ	1	
6	Vải Kate, Xanh Hòa Bình	-Đồ Hộ Lý, Áo Bảo Vệ	1	
7	Vải Kaki thun, Xanh Đen	-Váy nữ Hành Chính	1	
8	Vải Tuyết Mưa, Xanh Đen	- Quần nữ Hành Chính	1	

MẪU BÁO GIÁ
(Đính kèm thông báo số 41 ngày 14 tháng 05 năm 2025)
BÁO GIÁ
Kính gửi: Trung Tâm Y Tế Tuy Phước

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung Tâm Y Tế Tuy Phước , chúng tôi(ghi tên, địa chỉ hàng sản xuất, nhà cung cấp) báo giá cho danh mục sản phẩm như sau:

1. Báo giá cho danh mục sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Quy cách, chất liệu theo yêu cầu	Quy cách, thông số vải công ty chào giá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1							
...							
TỔNG CỘNG							

2. Giá trong báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

3. Báo giá có hiệu lực: ngày, kể từ ngày tháng năm(ngày kết thúc nhận báo giá).

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Quy cách, thông số vải công ty chào giá dựa trên kết quả kiểm nghiệm theo từng loại vải từ đơn vị được pháp luật cấp giấy phép thực hiện kiểm nghiệm.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của Công ty/Đơn vị cung cấp
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)